

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ngọc Dũng

2. Bà Trần Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 324/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị M – Sinh năm 1985

Địa chỉ: 311 ấp BT Tổ 18, xã BK, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Ngọc A – Sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 3/2 Đường HTP, KP, TTNB, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Châu Thị M trình bày:

Bà Châu Thị M và ông Lê Ngọc A đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 169 quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân TT, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/11/2006.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung do ông A ham chơi cờ bạc. Bà M đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông A không thay đổi, tình trạng kéo dài hơn 05 năm. Vì thế vợ chồng thường xuyên cãi vã, mỗi lần vợ chồng cãi nhau thì ông A lại bỏ ra ngoài ở nửa tháng mới quay trở

về. Ông A cũng đã nhiều lần chủ động yêu cầu Bà M làm đơn ly hôn. Bà M vì suy nghĩ cho con và gia đình nên đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay vẫn không hòa hợp được, đời sống hôn nhân giữa Bà M với ông A không hạnh phúc. Nay, bà Châu Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn ông Lê Ngọc A .

Từ khi kết hôn vợ chồng Bà M, ông A cùng con gái sinh sống tại ấp BT, xã BK, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau nhiều lần cãi vã và mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vào tháng 12/2020 ông A đã chuyển về địa chỉ 3/2 Đường HTP, KP, TTNB, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay.

Về con chung: Bà M và ông A có 01 con chung tên là Lê Châu Nhã Ca – sinh ngày 21/02/2010. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có.

Ông Lê Ngọc A là bị đơn tại bản tự khai ngày 09/4/2021 đã trình bày nội dung như sau:

“Chúng tôi kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TTNB, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng 2 đến 3 năm gần đây chúng tôi có xảy ra tranh cãi với nhau, vợ nói những lời cay đắng làm tôi lấy làm tự ti và buồn. Tôi về nhà ba mẹ ruột ở khoảng 03 tháng để chăm sóc ba ruột bệnh nặng. Tôi không đồng ý ly hôn. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung tên Lê Châu NC sinh năm 2010, trường hợp tòa giải quyết cho ly hôn thì tôi muốn trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Bà M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản nếu có tôi không lấy.”

Trong quá trình Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; và tại phiên tòa hôm nay ông Lê Ngọc A vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua phần tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thì quan hệ tranh chấp giữa bà Châu Thị M và ông Lê Ngọc A được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông A có địa chỉ cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Ngọc A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa để ông A tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông A vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Châu Thị M yêu cầu ly hôn ông Lê Ngọc A .

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 169 quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/11/2006 thì bà Châu Thị M và ông Lê Ngọc A có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Như vậy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Châu Thị M và ông Lê Ngọc A là có thật, đã được Bà M và ông A thừa nhận. Hai bên đã không còn chung sống một thời gian dài, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và tình cảm vợ chồng cũng không còn.

Theo kết quả xác minh tại địa phương thì địa phương không giải quyết mâu thuẫn giữa Bà M và ông An. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, ông A mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tòa án để giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắc trong cuộc sống vợ chồng cũng như có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông A vẫn vắng mặt không rõ lý do. Việc ông A không có mặt tại Tòa án để làm việc chứng tỏ ông A không còn quan tâm đến gia đình, cũng như không có thiện chí xây dựng hàn gắn tình cảm vợ chồng với Bà M. Như vậy, có đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng giữa Bà M và ông A hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của Bà M với ông A là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Bà M và ông A xác nhận có 01 con chung và đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ vào giấy khai sinh số 74/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã BK, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/3/2010 có cơ sở xác định trẻ Lê Châu NC – sinh ngày 21/02/2010 là con chung của Bà M và ông An.

Từ khi sinh ra cho đến nay trẻ NC sinh sống và học tập tại xã BK, huyện CG và hiện đang do Bà M trực tiếp chăm sóc. Đồng thời tại biên bản ghi nhận nguyện vọng thì trẻ NC có nguyện vọng ở với mẹ. Để tránh xáo trộn cuộc sống của trẻ, đảm bảo sự ổn định trong việc học tập và phát triển tâm sinh lý của trẻ nên giao trẻ Lê Châu NC cho Bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà M không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19; 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị M.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị M được ly hôn ông Lê Ngọc A .

2/ Về con chung: Giao con chung Lê Châu NC – sinh ngày 21/02/2010 cho bà Châu Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ghi nhận việc bà Châu Thị M không yêu cầu ông Lê Ngọc A cấp dưỡng nuôi con.

Bà Châu Thị M có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Lê Ngọc A đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Lê Ngọc A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông A thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha mẹ, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Châu Thị M chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Bà M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0073450 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Nhà Bè;
- UBND thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Duyên

